

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Mã ngành: 7380107

Trình độ: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2023

Số: 984/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Danh sách các ngành đào tạo và chương trình đào tạo đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, BĐCL.

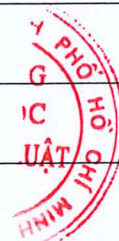
HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 984/QĐ-ĐHKTL ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Khoa quản lý	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế	Khoa Kinh tế	
2	7310106	Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
4	7310108	Toán kinh tế	Khoa Toán kinh tế	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
6	7340115	Marketing	Khoa Quản trị kinh doanh	
7	7340201	Tài chính ngân hàng	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
8	7340205	Công nghệ tài chính	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
9	7340301	Kế toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
10	7340302	Kiểm toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
11	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Hệ thống thông tin	
12	7340122	Thương mại điện tử	Khoa Hệ thống thông tin	
13	7380101	Luật	Khoa Luật	
14	7380107	Luật kinh tế	Khoa Luật kinh tế	



mk

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 984/QĐ-ĐHKTL ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Tên chương trình:	LUẬT KINH TẾ
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Luật Kinh tế
Mã ngành đào tạo:	7380107
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Chuyên ngành đào tạo 1:	Luật Kinh doanh
Bộ môn phụ trách:	Luật Kinh doanh
Chuyên ngành đào tạo 2:	Luật Thương mại quốc tế
Bộ môn phụ trách:	Luật Thương mại quốc tế

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quản lý và pháp luật. Đặc biệt, sinh viên sẽ được đào tạo chuyên sâu về Luật Kinh tế với hai chuyên ngành, Luật Thương mại quốc tế và Luật Kinh doanh với định hướng kết hợp rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành pháp luật về lĩnh vực kinh tế. Sản phẩm của Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế là Cử nhân Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức và năng lực tốt để có thể giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. Đồng thời, sau khi tốt nghiệp, người học có đủ điều kiện để dự tuyển và tiếp tục học tập các chương trình đào tạo sau đại học ngành Luật Kinh tế và các ngành Luật khác tại Việt Nam, các quốc gia trong khu vực và thế giới.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức	PO1	Vận dụng được kiến thức tổng hợp về kinh tế, quản lý, pháp luật và kiến thức chuyên ngành luật kinh tế vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, kinh doanh và thương mại trong nước và quốc tế
Về kỹ năng	PO2	Soạn thảo được các văn bản pháp lý và giải quyết được các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, kinh doanh thương mại trong nước và quốc tế
Về thái độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm	PO3	Thượng tôn pháp luật, tuân thủ đạo đức nghề Luật và thể hiện được quan điểm, chính kiến của bản thân đối với các vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội trong nước và quốc tế

2. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Luật Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, sinh viên có thể được tuyển dụng để làm việc trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức như: Tòa án nhân dân; Viện Kiểm sát nhân dân; Công an nhân dân; Quân đội nhân dân; các cơ quan hành chính Nhà nước; các cơ quan của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan, tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ; cơ quan công chứng; công ty luật, văn phòng luật sư, hãng luật trong nước và nước ngoài... với các vị trí như: Thư ký Tòa án; nhân viên pháp chế doanh nghiệp; trợ lý giám đốc; trợ lý luật sư; tư vấn viên; chuyên viên phân tích thị trường; chuyên viên phân tích chính sách; chuyên viên quản lý dự án; xử lý nợ xấu; nhân viên thừa phát lại; nghiên cứu viên, giáo viên, giảng viên giảng dạy pháp luật tại các trường phổ thông trung học, cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ*
A. Kiến thức	PLO 1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi, kinh doanh, quản lý và pháp luật.	2
	PLO 2: Vận dụng được kiến thức pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế để phân tích được các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	3

	PLO 3: Đánh giá được thực trạng áp dụng pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện đại.	4
B. Kỹ năng	PLO 4: Soạn thảo được các văn bản pháp lý; thuyết trình được các báo cáo, tài liệu về lĩnh vực kinh doanh và thương mại quốc tế.	3
	PLO 5: Giải quyết được các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.	4
	PLO 6: Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các công việc liên quan hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.	3
C. Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO 7: Tuân thủ đạo đức nghề luật.	4
	PLO 8: Trung thực trong học tập, thi cử và nghiên cứu khoa học.	4
	PLO 9: Chủ động tìm kiếm, cập nhật tài liệu để tranh luận và tham gia phản biện xã hội về các vấn đề liên quan đến pháp luật nói chung và pháp luật kinh doanh, thương mại quốc tế nói riêng.	3

Danh sách các chỉ báo của Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trọng số (%)	Mức độ *
PLO 1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi, kinh doanh, quản lý và pháp luật.		2
PI 1.1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi.	20	2
PI 1.2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh.	30	2
PI 1.3	Hiểu được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản lý.	20	2

PI 1.4	Hiểu được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực pháp luật.	30	2
PLO 2	Vận dụng được kiến thức pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.		3
PI 2.1	Trình bày được kiến thức pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế.	20	1
PI 2.2	Phân tích được các nội dung pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế.	25	2
PI 2.3	So sánh được các nội dung pháp lý tương tự nhau trong pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế.	25	2
PI 2.4	Vận dụng được kiến thức pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	30	3
PLO3	Đánh giá được thực trạng áp dụng pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện đại.		4
PI 3.1	Trình bày được thực trạng áp dụng pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế.	30	1
PI 3.2	Phân tích được các điểm pháp lý còn vướng mắc/chưa rõ trong quá trình áp dụng pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế.	30	2
PI 3.3	Đánh giá được thực trạng áp dụng pháp luật kinh doanh và thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện đại.	40	4
PLO4	Soạn thảo được các văn bản pháp lý; thuyết trình được các báo cáo, tài liệu về lĩnh vực kinh doanh và thương mại quốc tế.		3
PI 4.1	Soạn thảo được các văn bản pháp lý.	40	3

PI 4.2	Thuyết trình được các báo cáo, tài liệu về lĩnh vực kinh doanh và thương mại quốc tế.	60	3
PLO5	Giải quyết được các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.		4
PI 5.1	Xử lý được các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	40	2
PI 5.2	Chủ động khai thác thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.	60	4
PLO6	Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các công việc liên quan hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.		3
PI 6.1	Thực hiện việc tạo nhóm, phân chia công việc trong nhóm để thực hiện liên quan đến hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.	50	3
PI 6.2	Phối hợp nhuần nhuyễn trong việc chuẩn bị thuyết trình, trả lời câu hỏi đối với chủ đề được phân công.	50	3
PLO7	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp luật.		4
PI 7.1	Nhận diện và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp luật.	40	2
PI 7.2	Hình thành giá trị đạo đức nghề nghiệp luật cho bản thân.	60	4
PLO8	Trung thực trong học tập, thi cử và nghiên cứu khoa học.		4
PI 8.1	Trung thực trong học tập, thi cử.	50	4
PI 8.2	Trung thực trong nghiên cứu khoa học, thể hiện ở việc trích dẫn nguồn đầy đủ; tôn trọng bản quyền; quyền tác giả, tác phẩm.	50	4

PLO9	Chủ động tìm kiếm, cập nhật tài liệu để tranh luận và tham gia phản biện xã hội về các vấn đề liên quan đến pháp luật nói chung và pháp luật kinh doanh, thương mại quốc tế nói riêng.		3
PI 9.1	Chủ động tìm kiếm, cập nhật tài liệu về các vấn đề liên quan đến pháp luật nói chung và pháp luật kinh doanh, thương mại quốc tế nói riêng.	50	3
PI 9.2	Chủ động tham gia phản biện xã hội về các vấn đề liên quan đến pháp luật nói chung và pháp luật kinh doanh, thương mại quốc tế nói riêng.	50	3

* Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Mức tự chủ và trách nhiệm/ Đạo đức trách nhiệm (1-5).

4. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo đối với chương trình cử nhân Luật Kinh tế là 04 (bốn) năm.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương		
1.1. Các học phần lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (bắt buộc)	11	Trường quy định bắt buộc
1.2. Các học phần chung của Trường (bắt buộc)	15	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần chung của Trường (tự chọn)	10	Sinh viên tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định, sinh viên tự chọn 10 tín chỉ (5 học phần)

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành Luật (bắt buộc)	26	
2.2. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)	06	
2.3. Kiến thức ngành/ chuyên ngành	52	Sinh viên tự chọn 16 tín chỉ (8 học phần)
2.3.1. Các học phần bắt buộc	36	
2.3.2. Các học phần tự chọn	16	
2.4 Kiến tập, thực tập cuối khoá khoá luận/môn chuyên môn cuối khóa	10	
TỔNG SỐ	130	Không bao gồm khối lượng kiến thức: - Ngoại ngữ: 20 tín chỉ - Giáo dục thể chất: 06 tín chỉ - Giáo dục quốc phòng và an ninh: 165 tiết

6. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh.

7. Quy trình đào tạo

7.1. Căn cứ pháp lý

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo:

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH;
- Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình GDĐH;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành ĐT, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của GDĐH;
- Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;
- Quyết định số 1268/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Quyết định số 953/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định công tác Cố vấn học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.2. Triển khai thực hiện chương trình

Phân bố thời gian đào tạo: Chương trình đào tạo được triển khai và phân bố thành 08 học kỳ: Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 36 tín chỉ được giảng dạy và học tập trong học kỳ 1 và học kỳ 2; Khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành khối Pháp luật gồm 26 tín chỉ được giảng dạy và học tập từ học kỳ 2 đến học kỳ 7; Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 6 tín chỉ được giảng dạy và học tập trong học kỳ 3 và học kỳ 4; Khối kiến thức chuyên ngành gồm 52 tín chỉ được giảng dạy và học tập từ học kỳ 4 đến học kỳ 7; Kiến tập: Học kỳ 6; Thực tập, khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần kỹ năng, nghiệp vụ: Học kỳ 8.

Phương pháp dạy và học: Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế được triển khai dựa trên các phương pháp dạy - học tích cực, lấy người học làm trung tâm.

Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp: Tuân thủ theo quy định về hình thức và nội dung của Báo cáo thực tập và Khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Trường và Khoa Luật Kinh tế; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị sinh viên thực tập.

7.3. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên được đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bằng (i) phương thức trực tiếp, thông qua các bài kiểm tra, bài thi của tất cả các học phần; và (ii) phương thức gián tiếp, thông qua hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên theo từng học kỳ, năm và toàn khóa.

7.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp cử nhân chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế khi có đủ các điều kiện sau:

- Là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-HCM và của Trường;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt trung bình trở lên (không học phần nào có điểm dưới 5.0);
- Điểm rèn luyện đạt quy định theo Quy chế công tác sinh viên;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

8. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá thực hiện theo quy định của Quyết định số 1268/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1. Khối kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không bao gồm kiến thức ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh)

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
				Tổng	Cơ sở khối ngành	Cơ sở nhóm ngành	Cơ sở ngành	Ngành/C huyên ngành	Kiến tập, thực tập TN và Khóa luận TN/môn chuyên môn cuối khóa
Đại học	4 năm	130	36	94	15	11	6	52	10

9.2 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1.1	Lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh						
Học phần bắt buộc			11				
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3			
2	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2			
3	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			
4	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
5	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2			
1.2	Các học phần của Trường						
Học phần bắt buộc			15				
6	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3			
7	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3			
8	BLB1048	Nhập môn luật học	3	3			
9	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3			
10	BBB1067	Quản trị học	3	3			
Học phần tự chọn			10				
Nhóm 1			4				Chọn 2 HP
1	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2			
2	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2			
3	BDG1008	Xã hội học	2	2			
4	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2			

5	BDG1010	Văn hóa học	2	2			
Nhóm 2			6				Chọn 3 HP
1	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2			
2	BDG1011	Logic học	2	2			
3	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2			
4	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2			
5	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2			

9.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

9.3.1 Khối kiến thức cơ sở của khối ngành luật: 26 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			26				
1	BLB2049	Luật hiến pháp	3	3			
2	BLB2050	Luật hành chính	3	3			
3	BLB2051	Luật hình sự	3	3			
4	BLC2045	Luật dân sự - Những vấn đề chung	3	3			
5	BLC2046	Luật tố tụng dân sự	3	3			
6	BLB2052	Luật tố tụng hình sự	3	3			
7	BKT2048	Luật quốc tế	3	3			
8	BKB5016	Luật hợp đồng	3	3			
9	BLC2047	Luật dân sự - Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			

9.3.2 Khối kiến thức cơ sở ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			6				
1	BKB3011	Luật đất đai	3	3			
2	BLC4012	Luật dân sự - Tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	3	3			

9.3.3 Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 52 tín chỉ

A. Khối kiến thức chung của ngành chính (34 tín chỉ)

a. Các học phần bắt buộc (30 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BKB4020	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
2	BKB4021	Luật thương mại	3	3			
3	BLC5014	Luật lao động	3	3			
4	BKB4035	Pháp luật về đầu tư	3	3			
5	BLB4019	Luật thuế	3	3			
6	BLB4016	Luật môi trường	3	3			
7	BKB4010	Luật cạnh tranh	3	3			
8	BLC4043	Tư pháp quốc tế	3	3			
9	BKT5023	Luật thương mại quốc tế	3	3			
10	BKT4017	Luật kinh doanh quốc tế	3	3			

b. Các học phần tự chọn (4 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BKT4049	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2	2			
2	BKT4025	Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý	2	2			
3	BLB4018	Luật so sánh	2	2			
4	BKB4001	Các hợp đồng thông dụng	2	2			

B. Khối kiến thức chuyên ngành (18 tín chỉ)**B.1. Chuyên ngành Luật Kinh doanh****a. Các học phần bắt buộc (6 tín chỉ)**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BKB5041	Pháp luật về quản trị công ty	3	3			
2	BLB5017	Luật ngân hàng	3	3			

b. Các học phần tự chọn (12 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BKB5028	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2			
2	BKB5019	Luật phá sản	2	2			

3	BKB5029	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	2			
4	BKT5002	Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế	2	2			
5	BKB5042	Pháp luật về xúc tiến thương mại	2	2			
6	BLB5025	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	2			
7	BKB5012	Luật đấu thầu	2	2			
8	BLB5034	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	2			
9	BKT5030	Pháp luật thương mại điện tử	2	2			
10	BKB4004	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	2			
11	BRE5032	Logistics	2	2			
12	BKB5014	Luật du lịch	2	2			

B.2. Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế

a. Các học phần bắt buộc (6 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BKT5037	Pháp luật về hàng hải	3	3			
2	BKT5043	Quyền con người trong thương mại quốc tế	3	3			

b. Các học phần tự chọn (12 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BLB5020	Luật thuế quốc tế	2	2			
2	BKT5008	Luật biển	2	2			
3	BKT5033	Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan	2	2			
4	BKT5040	Pháp luật về phòng vệ thương mại	2	2			
5	BKT5039	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	2			
6	BKT5030	Pháp luật thương mại điện tử	2	2			
7	BKT5031	Pháp luật về bảo hiểm quốc tế	2	2			
8	BLB5025	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	2			
9	BKT5045	Tập quán thương mại quốc tế	2	2			
10	BKT5003	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2	2			
11	BKT5018	Luật môi trường quốc tế	2	2			
12	BKT5013	Luật đầu tư quốc tế	2	2			

9.4. Khối kiến thức kiến tập, thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/ học phần chuyên đề: 10 tín chỉ**A. Chuyên ngành Luật Kinh doanh**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Điều kiện tiên quyết
Học phần bắt buộc			10			

1	BUU6002	Kiến tập	2		2	
2	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4		4	
3	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4		
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận			4			
1	BKB5026	Chuyên đề: Nghiệp vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	2		
2	BKB5005	Chuyên đề: Kỹ năng hành nghề luật	2	2		

B. Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Điều kiện tiên quyết
Học phần bắt buộc			10			
1	BUU6002	Kiến tập	2		2	
2	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4		4	
3	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4		
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận			4			
1	BKT5027	Chuyên đề: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2	2		
2	BKT5006	Chuyên đề: Kỹ năng hòa giải và trọng tài thương mại	2	2		

9.5. Khối kiến thức ngoại ngữ: 20 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				Điều kiện tiên quyết*	
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
1	BVL1001	Tiếng Anh 1	5	5				
2	BVL1002	Tiếng Anh 2	5	5				
3	BVL1003	Tiếng Anh 3	5	5				
4	BVL1004	Tiếng Anh 4	5	5				

* Điều kiện tiên quyết theo các quy định của Chương trình Tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế - Luật hiện hành; sinh viên sẽ được miễn học phần tiếng Anh khi có chứng chỉ quốc tế đáp ứng chuẩn đầu ra.

10. Kế hoạch giảng dạy

A. Chuyên ngành Luật Kinh doanh

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ 1			16					
Học phần bắt buộc			12					
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3				
2	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3				
3	BLB1048	Nhập môn Luật học	3	3				
4	BBB1067	Quản trị học	3	3				
Học phần tự chọn (5 chọn 2)			4					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
5	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2				
6	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2				
7	BDG1008	Xã hội học	2	2				
8	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2				
9	BDG1010	Văn hóa học	2	2				
Học phần giáo dục thể chất								
1	BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3					
HỌC KỲ 2			18					
Học phần bắt buộc			12					
1	BKT2048	Luật quốc tế	3	3				
2	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3				BEE1037
3	BLC2045	Luật dân sự - Những vấn đề chung	3	3				BLB1048
4	BLB2049	Luật hiến pháp	3	3				BLB1048
Học phần tự chọn (5 chọn 3)			6					
5	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2				
6	BDG1011	Logic học	2	2				
7	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2				
8	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
9	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2				
Học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng								
1	BDG1013	Giáo dục thể chất 2	3					
2	BDG1014	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	165t					
HỌC KỲ 3			18					
Học phần bắt buộc			14					
1	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2				
2	BLB2050	Luật hành chính	3	3				BLB2049
3	BLB2051	Luật hình sự	3	3				
4	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3				
5	BLC4012	Luật dân sự - Tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	3	3				
Học phần tự chọn 1 (2 chọn 1)			2					
6	BKT4049	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2	2				
7	BKT4025	Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý	2	2				
Học phần tự chọn 2 (2 chọn 1)			2					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
8	BKB4004	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	2				
9	BKB5014	Luật du lịch	2	2				
HỌC KỲ 4			18					
Học phần bắt buộc			14					
1	BDG1003	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	2	2				
2	BKB4021	Luật thương mại	3	3				
3	BLC2046	Luật tổ tụng dân sự	3	3				
4	BKB3011	Luật đất đai	3	3				
5	BKB5016	Luật hợp đồng	3	3				
Học phần tự chọn 1 (2 chọn 1)			2					
6	BKB4001	Các hợp đồng thông dụng	2	2				
7	BLB4018	Luật so sánh	2	2				
Học phần tự chọn 2 (2 chọn 1)			2					
8	BRE5032	Logistics	2	2				
9	BKT5030	Pháp luật thương mại điện tử	2	2				
HỌC KỲ 5			21					
Học phần bắt buộc			19					
1	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
2	BLC2047	Luật dân sự - Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2				BLC2045
3	BLB2052	Luật tố tụng hình sự	3	3				BLB2051
4	BKB4035	Pháp luật về đầu tư	3	3				
5	BLC5014	Luật lao động	3	3				
6	BKB4010	Luật cạnh tranh	3	3				
7	BKB5041	Pháp luật về quản trị công ty	3	3				
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
8	BKB5028	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2				
9	BKB5019	Luật phá sản	2	2				
HỌC KỲ 6			14					
Học phần bắt buộc			10					
1	BDG1005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2				
2	BKB4020	Luật sở hữu trí tuệ	3	3				
3	BKT5023	Luật thương mại quốc tế	3	3				
4	BUU6002	Kiến tập	2		2			
Học phần tự chọn (4 chọn 2)			4					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
5	BKB5029	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	2				
6	BKT5002	Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế	2	2				
7	BKB5042	Pháp luật về xúc tiến thương mại	2	2				
8	BLB5025	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	2				
HỌC KỲ 7			17					
Học phần bắt buộc			15					
1	BLC4043	Tư pháp quốc tế	3	3				
2	BLB5017	Luật ngân hàng	3	3				
3	BLB4016	Luật môi trường	3	3				
4	BKT4017	Luật kinh doanh quốc tế	3	3				
5	BLB4019	Luật thuế	3	3				
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
6	BKB5012	Luật đấu thầu	2	2				
7	BLB5034	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	2				
HỌC KỲ 8			8					
Học phần bắt buộc			4					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4		4			
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			4					
1	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4				
2	BKB5026	Chuyên đề: Nghiệp vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	2				
	BKB5005	Chuyên đề: Kỹ năng hành nghề luật	2	2				

B. Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ 1			16					
Học phần bắt buộc			12					
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3				
2	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3				
3	BLB1048	Nhập môn Luật học	3	3				
4	BBB1067	Quản trị học	3	3				
Học phần tự chọn (5 chọn 2)			4					
5	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2				

6	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2				
7	BDG1008	Xã hội học	2	2				
8	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2				
9	BDG1010	Văn hóa học	2	2				
Học phần giáo dục thể chất								
1	BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3					
HỌC KỲ 2			18					
Học phần bắt buộc			12					
1	BLB2049	Luật hiến pháp	3	3				BLB1048
2	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3				BEE1037
3	BLC2045	Luật dân sự - Những vấn đề chung	3	3				BLB1048
4	BKT2048	Luật quốc tế	3	3				
Học phần tự chọn (5 chọn 3)			6					
5	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2				
6	BDG1011	Logic học	2	2				
7	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2				
8	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2				
9	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2				
Học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng								
1	BDG1013	Giáo dục thể chất 2	3					
2	BDG1014	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	165t					
HỌC KỲ 3			16					
Học phần bắt buộc			14					

1	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2				
2	BLC4012	Luật dân sự - Tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	3	3				
3	BLB2050	Luật hành chính	3	3				BLB2049
4	BLB2051	Luật hình sự	3	3				
5	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3				
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
6	BKT4049	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2	2				
7	BKT4025	Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý	2	2				
HỌC KỲ 4			18					
Học phần bắt buộc			14					
1	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2				
2	BKB4021	Luật thương mại	3	3				
3	BLC2046	Luật tổ tụng dân sự	3	3				
4	BKB5016	Luật hợp đồng	3	3				
5	BKB4020	Luật sở hữu trí tuệ	3	3				
Học phần tự chọn 1 (2 chọn 1)			2					
1	BKT5039	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	2				
2	BKT5030	Pháp luật thương mại điện tử	2	2				
Học phần tự chọn 2 (2 chọn 1)			2					
1	BLB4018	Luật so sánh	2	2				

2	BKB4001	Các hợp đồng thông dụng	2	2				
HỌC KỲ 5			20					
Học phần bắt buộc			16					
1	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
2	BKB4035	Pháp luật về đầu tư	3	3				
3	BLC2047	Luật dân sự - Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2				BLC2045
4	BLB2052	Luật tố tụng hình sự	3	3				BLB2051
5	BLB4016	Luật môi trường	3	3				
6	BKT5023	Luật thương mại quốc tế	3	3				
Học phần tự chọn (4 chọn 2)			4					
7	BKT5045	Tập quán thương mại quốc tế	2	2				
8	BKT5003	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2	2				
9	BLB5025	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	2				
10	BKT5031	Pháp luật về bảo hiểm quốc tế	2	2				
HỌC KỲ 6			17					
Học phần bắt buộc			13					
1	BDG1005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2				
2	BKT4017	Luật kinh doanh quốc tế	3	3				
3	BLC5014	Luật lao động	3	3				
4	BLB4019	Luật thuế	3	3				
5	BUU6002	Kiến tập	2		2			

Học phần tự chọn (4 chọn 2)			4					
6	BKT5033	Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan	2	2				
7	BKT5040	Pháp luật về phòng vệ thương mại	2	2				
8	BKT5018	Luật môi trường quốc tế	2	2				
9	BKT5013	Luật đầu tư quốc tế	2	2				
HỌC KỲ 7			17					
Học phần bắt buộc			15					
1	BLC4043	Tư pháp quốc tế	3	3				
2	BKT5037	Pháp luật về hàng hải	3	3				
3	BKT5043	Quyền con người trong thương mại quốc tế	3	3				
4	BKB3011	Luật đất đai	3	3				
5	BKB4010	Luật cạnh tranh	3	3				
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
6	BLB5020	Luật thuế quốc tế	2	2				
7	BKT5008	Luật biển	2	2				
HỌC KỲ 8			8					
Học phần bắt buộc			4					
1	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4		4			
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			4					
2	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4				
3	BKT5027	Chuyên đề: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2	2				
	BKT5006	Chuyên đề: Kỹ năng hòa giải và trọng tài thương mại	2	2				

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

11.1. Học phần: Triết học Mác – Lênin

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác – Lênin; bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác – Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

11.2. Học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

Nội dung: Môn học cung cấp cho người học: Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của Các Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền Nhà nước. Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác – Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

11.3. Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin

Nội dung: Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng CNXH ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên CNXH - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

11.4. Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

11.5. Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những nhận thức về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội Đảng. Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

11.6. Học phần: Quản trị học

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức, phối hợp hoạt động có hiệu quả của nhà quản trị nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức, trong điều kiện biến động của môi trường kinh doanh. Nội dung môn học gồm 2 phần. Phần tổng quan trang bị cho người học những kiến thức chung về quản trị như: khái niệm, vai trò của quản trị; sự ra đời và phát triển của các học thuyết về quản trị; môi trường quản trị, vai trò của thông tin trong quản trị; và việc ra quyết định trong quản trị. Phần nghiên cứu các chức năng của quản trị giới thiệu cho người học 4 chức năng chính của nhà quản trị là: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, và chức năng kiểm tra.

Ngoài ra, môn học còn giới thiệu đến người học chân dung những nhà quản trị đương thời, các kinh nghiệm thực tế liên quan đến vấn đề quản trị ở các công ty; và một số ứng dụng của các học thuyết quản trị trong các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới được lồng ghép trong từng chương.

11.7. Học phần: Xã hội học

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học gồm 5 bài, tập trung vào các vấn đề: Lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học pháp luật với tư cách là một ngành khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học pháp luật, bản chất xã hội của pháp luật và các vấn đề chuyên sâu về xã hội học pháp luật như: pháp luật trong mối liên hệ với các chuẩn mực xã hội, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động thực hiện pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động áp dụng pháp luật,...

11.8. Học phần: Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trong môn học này, sinh viên sẽ nghiên cứu các nguyên tắc đòi quy

trình kinh doanh bằng việc ứng dụng các công nghệ khác nhau, thúc đẩy các chuyển đổi số trong kinh doanh và dẫn đến việc tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Môn học này còn thảo luận, sử dụng các công nghệ mới nổi hiện nay làm ví dụ, cách áp dụng các công nghệ này vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Qua đó, giúp sinh viên khám phá các cơ hội kinh doanh khác nhau mà công nghệ mới tạo ra và hiểu rõ hơn về cách chúng có thể dẫn đến những thay đổi lớn trong cách kinh doanh và cho phép tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Cụ thể, môn học giới thiệu các vấn đề và công nghệ nền tảng trong thời đại mới như: Giới thiệu về công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số, điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), công nghệ in 3D, chuỗi khối (Block chain), Internet vạn vật (Internet of Things).

11.9. Học phần: Nhập môn luật học

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những khối kiến thức sau: Khái niệm kiến thức chung về pháp luật như khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, các học thuyết pháp luật, nguồn luật và các dòng luật,...; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Nhà nước và các định chế pháp lý; Nghề luật và các kỹ năng pháp lý cơ bản.

11.10. Học phần: Kỹ năng lãnh đạo

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. Kỹ năng Phong cách với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. Kỹ năng Động viên, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: Căn bản, An toàn, Xã hội, tôn trọng, Thể hiện. Kỹ năng Tâm lý với 3 thuộc tính của Tâm lý: Tính khí, Tính cách, Năng lực.

11.11. Học phần: Tài chính cá nhân

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học tài chính cá nhân là học phần đại cương tự chọn dành cho sinh viên năm 1 của tất cả các chuyên ngành. Môn học này đề cập chủ yếu đến khía cạnh quản lý tài chính cá nhân và gia đình. Môn học hướng tới cung cấp các khái niệm

tài chính gắn liền với các vấn đề/ quyết định tài chính mà cá nhân và hộ gia đình thường xuyên đối mặt trên thực tế như: quản lý nguồn ngân quỹ/thu nhập; thuế; tiết kiệm; mua nhà và các tài sản giá trị, vay mượn, bảo hiểm, đầu tư, hoạch định kế hoạch tài chính học đại học và sau đại học. Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm bắt được các nguyên lý cũng như kỹ thuật/ phương pháp để quản lý nguồn thu-chi hay tài sản và nghĩa vụ tài chính của cá nhân/hộ gia đình. Thêm nữa, môn học này cũng đề cập đến các trung gian tài chính trong mối quan hệ của các định chế tài chính với cá nhân/ hộ gia đình, cũng như nghiên cứu về các công cụ tài chính được các cá nhân và hộ gia đình sử dụng phổ biến.

Nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan lập kế hoạch tài chính cá nhân, lập báo cáo tài chính cá nhân và phân tích, quản trị rủi ro tài chính cá nhân, chi tiêu và lối sống, vay mượn và mối quan hệ, phụng sự và sự nghiệp.

11.12. Học phần: Logic học

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn Logic học là khoa học về tư duy hợp lý: giúp người học thao tác hóa khái niệm chính xác, hiệu quả; giúp nâng cao năng lực phán đoán; giúp suy luận hợp lý và Bác bỏ nguy hiểm. Tóm lại Logic học là khoa học nâng cao kỹ năng tư duy hợp lý và hiệu quả trong quá trình nhận thức thế giới hiện thực và hoạt động thực tiễn.

11.13. Học phần: Pháp luật doanh nghiệp

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học Luật Doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khóa học kinh doanh, nắm bắt các nội dung cơ bản của một số vấn đề pháp lý liên quan đến doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý trong quan hệ kinh doanh nội bộ doanh nghiệp.

11.14. Học phần: Luật hiến pháp

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Luật học

Nội dung: Môn học trang bị cho người học kiến thức lý luận cơ bản về (i) Hiến pháp Việt Nam - đạo luật cơ bản của Nhà nước hiện đại; (ii) Những quan điểm, nhận thức về quyền con người, quyền công dân và tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong điều kiện xây dựng chế độ hiến pháp và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (iii) Các kiến thức cơ bản để có nhận thức đúng về thực hiện quyền lực Nhà nước và cơ chế pháp lý kiểm soát thực hiện quyền lực Nhà nước (bản chất kiểm soát quyền lực Nhà nước, thực tiễn thực hiện và hoàn thiện việc kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam) để nâng cao chất lượng cuộc sống của các cá nhân và hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong xã hội.

11.15. Học phần: Luật hành chính**Thời lượng:** 03 TC**Điều kiện tiên quyết:** Luật hiến pháp

Nội dung: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Luật Hành chính và Luật tổ tụng hành chính Việt Nam như: Các kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước như những khái niệm, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý hành chính Nhà nước; Những vấn đề về thủ tục và quyết định hành chính, vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính và những biện pháp cưỡng chế hành chính; Những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của tài phán hành chính, luật tổ tụng hành chính. Thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân và toàn bộ trình tự, thủ tục để giải quyết một vụ án hành chính.

11.16. Học phần: Luật dân sự - Những vấn đề chung**Thời lượng:** 03 TC**Điều kiện tiên quyết:** Nhập môn Luật học

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận của luật dân sự và các quy định của pháp luật về những vấn đề chung của Luật Dân sự Việt Nam.

11.17. Học phần: Luật dân sự - Nghĩa vụ ngoài hợp đồng**Thời lượng:** 02 TC**Điều kiện tiên quyết:** Luật dân sự - Những vấn đề chung

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận và những quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

11.18. Học phần: Luật hình sự**Thời lượng:** 03 TC**Điều kiện tiên quyết:** không

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản về Luật hình sự, tội phạm, cấu thành tội phạm; trên cơ sở đó sinh viên có thể tự giải các bài tập với các yêu cầu cụ thể được đặt ra trong thực tiễn như: nhận diện tội phạm trong vụ việc cụ thể; xác định giai đoạn phạm tội, vai trò đồng phạm trong các vụ án, xác định rõ những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; xác định khung hình phạt, tổng hợp hình phạt, xác định giới hạn hình phạt cho phép áp dụng trong các tình huống cụ thể, bình luận về phần hình phạt đối với các bản án hình sự đã tuyên. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận và làm chủ hệ thống kiến thức về các nhóm tội phạm để vận dụng một cách có hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp; bước đầu xây dựng cho sinh viên những kỹ năng định tội và quyết định hình phạt.

11.19. Học phần: Luật tố tụng dân sự**Thời lượng:** 03 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Phần một của môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tố tụng dân sự như khái niệm tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự, vấn đề thẩm quyền xét xử của Tòa án, vấn đề về chứng cứ và chứng minh, các biện pháp khẩn cấp tạm thời, thời hạn, thời hiệu trong tố tụng, án phí và các chi phí tố tụng. Phần hai của môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên về trình tự, thủ tục tố tụng theo từng giai đoạn tố tụng từ lúc khởi kiện cho đến lúc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Trong phần học này cũng bao gồm cả sự phân biệt giữa thủ tục giải quyết vụ án dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự trong tố tụng dân sự.

11.20. Học phần: Luật tố tụng hình sự

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: Luật hình sự

Nội dung: Hiểu và giải thích được những vấn đề lý luận thuộc về bản chất của tố tụng hình sự như: Kiểu tố tụng, mô hình tố tụng và hình thức tố tụng; giai đoạn và các nguyên tắc của tố tụng hình sự; Hiểu và giải thích được các vấn đề lý luận của tố tụng hình sự chi phối các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành; Hiểu và vận dụng được các qui định của Bộ luật tố tụng khi tham gia giải quyết vụ án hình sự cũng như đánh giá đúng việc áp dụng Bộ luật tố tụng của cơ quan có thẩm quyền nhằm tham gia làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; Tham gia tích cực và có hiệu quả vào đấu tranh phòng chống tội phạm.

11.21. Học phần: Luật hợp đồng

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Luật hợp đồng là môn cơ sở ngành của nhóm ngành pháp luật. Đây là một trong những môn học cung cấp kiến thức nền tảng cho người học về bản chất của các giao dịch và hợp đồng trong quan hệ dân sự, thương mại. Nội dung môn học bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.

11.22. Học phần: Luật quốc tế

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Luật quốc tế là hệ thống pháp luật độc lập với hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia, bao gồm các nguyên tắc và quy phạm pháp luật do các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế thỏa thuận xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng

nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trên tất cả các lĩnh vực giữa các chủ thể của luật quốc tế với nhau (trước tiên và chủ yếu là các quốc gia). Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế là các mối quan hệ pháp lý sinh giữa các chủ thể của luật trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế về chính trị, kinh tế, thương mại, quyền con người, môi trường quốc tế, hoà bình và an ninh quốc tế, lãnh thổ và biên giới quốc gia, ngoại giao, lãnh sự về tranh chấp và giải quyết tranh chấp quốc tế...

Về phương diện khoa học, luật quốc tế bao gồm nhiều ngành luật độc lập như: Luật Điều ước quốc tế; Luật Biển; Luật Kinh tế quốc tế; Luật ngoại giao, lãnh sự; Luật quốc tế về quyền con người; Luật nhân đạo quốc tế; Luật Môi trường quốc tế...

11.23. Học phần: Luật đất đai

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học Luật đất đai thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo Luật kinh tế. Nội dung của môn học cung cấp các kiến thức nền tảng về sở hữu đất đai, quan hệ pháp luật đất đai. Trên cơ sở đó, môn học đi sâu nghiên cứu quy định về quản lý và sử dụng đất. Trong nội dung quản lý đất đai, môn học làm rõ các quy định về hoạt động quy hoạch, điều phối đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong nội dung chế độ sử dụng đất, môn học tập trung nghiên cứu làm rõ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đặc biệt là các giao dịch về quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và các biện pháp đảm bảo thực thi pháp luật đất đai như thanh tra, giải quyết tranh chấp và khiếu nại trong lĩnh vực đất đai.

11.24. Học phần: Luật dân sự - tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: đã học môn Luật Dân sự - Những vấn đề chung

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận và những quy định của pháp luật về các chế định sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ và quyền thừa kế. Từ những kiến thức lý luận và quy định của pháp luật, sinh viên có thể giải quyết những tình huống, quan hệ dân sự trong thực tế.

11.25. Học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức ngành của ngành Luật Kinh tế. Mục tiêu của học phần này là trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhất về nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học pháp lý nói riêng để người học có thể vận dụng để thực hành nghiên cứu khoa học. Để đạt được mục tiêu nói trên, học phần này sẽ cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về: Ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học

và nghiên cứu khoa học pháp lý; phương pháp xác định tính cần thiết, tổng quan tình hình nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp phát triển khung lý thuyết, khái niệm và khung phân tích; các phương pháp nghiên cứu đặc thù của nghiên cứu khoa học pháp lý (phân tích/tổng hợp/ lịch sử/tình huống/luật học so sánh/phỏng vấn chuyên gia/điều tra xã hội học); phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu định lượng cho nghiên cứu; thực hành viết đề cương công trình nghiên cứu khoa học, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo kiến tập, thực tập và phương pháp viết bài báo khoa học.

11.26. Học phần: Luật cạnh tranh

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần Luật cạnh tranh giới thiệu kiến thức về định chế chống độc quyền cũng như quy tắc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Tính đặc thù của cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh và tổ tụng cạnh tranh cũng được giới thiệu trong môn học này.

11.27. Học phần: Luật thương mại

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân.

11.28. Học phần: Luật lao động

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản nhất về những vấn đề: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động, nội dung của quan hệ lao động, một số các vấn đề về việc làm và học nghề, các quy định và yêu cầu liên quan đến vấn đề tuyển dụng lao động và giao kết hợp đồng, các quy định và nội dung về bảo hiểm xã hội, các vấn đề cơ bản về bồi thường thiệt hại vật chất trong quan hệ lao động, phân biệt giữa trách nhiệm bồi thường này và bồi thường thiệt hại trong dân sự.

11.29. Học phần: Luật môi trường

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Luật Môi trường là môn học bắt buộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý luận cũng như pháp luật về môi trường như: (i) Tổng quan về luật môi trường; (ii) Pháp luật Việt

Nam về môi trường; (iii) Luật quốc tế về môi trường.

11.30. Học phần: Pháp luật về đầu tư

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp luật về đầu tư là môn học thuộc khối kiến thức chung của ngành chính, trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đầu tư: các chủ thể tham gia vào hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, hình thức đầu tư mà các nhà đầu tư có thể lựa chọn cũng như trình tự thủ tục đăng ký, triển khai dự án đầu tư tương ứng, quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, cơ chế khuyến khích cũng như quản lý của Nhà nước đối với hoạt động đầu tư, vấn đề về bảo hộ đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài khi tiến hành hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

11.31. Học phần: Luật thuế

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học trang bị kiến thức lý luận cơ bản về thuế, hiểu và nắm bắt đúng các khái niệm về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm... trong từng sắc thuế. Ngoài ra, môn học này giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế. Sau khi học xong môn luật thuế, sinh viên sẽ biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để vận dụng vào việc đọc văn bản luật nhằm áp dụng các quy định của pháp luật thuế một cách đúng pháp luật. Mục đích của môn luật thuế giúp sinh viên có những kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuế để vận dụng vào các công việc thực tế như: Thanh tra thuế, thực hiện các công việc của cán bộ Hải quan, cán bộ thuế theo đúng pháp luật, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

11.32. Học phần: Luật sở hữu trí tuệ

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên hai khối kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ: thứ nhất là kiến thức nền tảng bao gồm bản chất và các nguyên tắc chung của sở hữu trí tuệ; thứ hai là quy định pháp lý cơ bản của Việt Nam điều chỉnh các quan hệ về sở hữu trí tuệ, bao gồm việc xác định các loại quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ, cơ chế bảo hộ và các vấn đề khác có liên quan.

11.33. Học phần: Tư pháp quốc tế

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tư pháp quốc tế, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, sinh viên cũng hiểu rõ về địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

11.34. Học phần: Luật thương mại quốc tế

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc pháp lý cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tổ chức giám sát các hiệp định thương mại đa phương được ký kết giữa các quốc gia thành viên, và một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs) Việt Nam đang tham gia. Cụ thể, nội dung môn học sẽ xoay quanh các hiệp định chính của WTO, cam kết cơ bản tại các FTAs, cơ chế hoạt động, giải thích các mục đích đàm phán và thảo luận về sự xung đột giữa pháp luật quốc gia và các nghĩa vụ quốc tế trong khuôn khổ các quy định của WTO và FTAs. Môn học cũng sẽ phân tích một số án lệ điển hình của Hệ thống giải quyết tranh chấp WTO cũng như các quan điểm học thuật liên quan đến WTO và vai trò tương lai của tổ chức này trước sự bùng nổ của hợp tác kinh tế khu vực thế hệ mới và mối đe dọa từ chủ nghĩa bảo hộ, thảm họa môi trường, sức khỏe đang gia tăng trong thập kỉ này.

11.35. Học phần: Luật kinh doanh quốc tế

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Luật Kinh doanh Quốc tế là môn học cơ sở ngành Luật Kinh tế. Môn học tập trung vào các khía cạnh pháp lý của giao dịch mua bán hàng hoá quốc tế, phân phối, tài trợ thương mại, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ quốc tế, các loại hình vận tải quốc tế và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Môn học nâng cao nhận thức về luật áp dụng và cách cơ quan giải quyết tranh chấp giải thích pháp luật, đặc biệt là các quy định từ nguồn luật quốc tế, để áp dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các giao dịch kinh doanh xuyên biên giới. Môn học có cách tiếp cận thực tế, đặt sinh viên vào tình huống của một người hành nghề luật trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Từ đó, sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng cần thiết để xem xét và đánh giá một vấn đề pháp lý, xác định, phân tích và đánh giá các quy phạm pháp luật trong luật viết và án lệ liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

11.36. Học phần: Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nghiên cứu và Soạn thảo Pháp lý là môn học tự chọn, được giảng dạy cho sinh viên luật bậc đại học. Môn học có cách tiếp cận thực tế, đặt sinh viên vào vị

trí của một người thực hành luật để giải quyết các vấn đề pháp lý do khách hàng đưa ra. Sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng cần thiết để xem xét và đánh giá vấn đề pháp lý, tìm kiếm, phân tích và đánh giá các quy phạm pháp luật trong các văn bản quy phạm pháp luật và án lệ, tạo lập quy phạm pháp luật từ bản án. Sinh viên sẽ học cách áp dụng các quy định của pháp luật cho các lập luận pháp lý và thực hiện các phân tích pháp lý. Môn học cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết để truyền đạt hiệu quả các kết quả nghiên cứu và phân tích pháp lý đến đối tượng mục tiêu.

11.37. Học phần: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: đã học xong Luật hợp đồng

Nội dung: đây là môn tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành Luật Kinh tế. Đây là một trong những môn học cung cấp kỹ năng giao tiếp, tư vấn và đàm phán xoay quanh các vấn đề phát sinh từ hợp đồng cho khách hàng, đồng thời trên nền tảng đó để soạn thảo các văn bản, hợp đồng liên quan. Môn học cung cấp kỹ năng quan trọng cho người học có thể thuận thực trước khi đi làm việc tại các công ty, doanh nghiệp dưới vị trí tư vấn pháp lý, luật sư, v.v.

11.38. Học phần: Các hợp đồng thông dụng

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: đã học xong Luật hợp đồng

Nội dung: Các hợp đồng thông dụng là môn tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành luật kinh tế. Đây là một trong những môn học cung cấp kiến thức nền tảng cho người học về đặc điểm, bản chất và cách vận dụng pháp luật liên quan đến phần lớn các hợp đồng thông dụng trên thực tiễn dân sự và thương mại.

11.39. Học phần: Luật ngân hàng

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật ngân hàng như tổng quan về ngân hàng và luật ngân hàng, địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng các hoạt động huy động vốn và cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng, chế độ pháp lý về các hoạt động cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá, bao thanh toán, cho thuê tài chính và bảo lãnh ngân hàng. Trên nền tảng các kiến thức được học, sinh viên có thể vận dụng để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến pháp luật ngân hàng.

11.40. Học phần: Pháp luật về quản trị công ty

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp luật quản trị công ty là môn học chuyên ngành sâu dành riêng

cho chương trình cử nhân Luật Kinh doanh, đồng thời đây cũng là một trong những điểm nhấn khác biệt giữa ngành Luật kinh doanh với các ngành luật khác trong hệ thống đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm các lý thuyết về quản trị công ty, vị trí, vai trò của pháp luật quản trị công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần đại chúng. Nội dung trình bày của môn học bao gồm các quy định của pháp luật liên quan đến các chủ thể quản trị trong công ty cổ phần đại chúng như: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Bộ máy điều hành, Ban kiểm soát cũng như nghĩa vụ minh bạch và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Các nội dung này được trình bày trong mối tương quan giữa quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành với các nguyên tắc, kỹ năng quản trị công ty mang tính hiện đại theo tiêu chuẩn OECD.

11.41. Học phần: Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Đây là môn học trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung môn học cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, hoạt động thu tóm các công ty trên thị trường. Môn học bao gồm 4 chương bao gồm các nội dung liên quan đến các khái niệm cơ bản và quá trình thực hiện giao dịch M&A, các quy định pháp luật liên quan và một số lưu ý trong thực hiện giao dịch M&A.

11.42. Học phần: Nghiệp vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Đây là môn học trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung môn học cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, hoạt động thu tóm các công ty trên thị trường và kiến thức thực tiễn liên quan đến nghiệp vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp. Môn học bao gồm 4 chương bao gồm các nội dung liên quan đến các khái niệm cơ bản và quá trình thực hiện giao dịch M&A, các quy định pháp luật liên quan và một số lưu ý trong thực hiện giao dịch M&A.

11.43. Học phần: Luật phá sản

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: môn học giúp cho sinh viên nắm các kiến thức cơ bản liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết một phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán như thủ tục thụ lý yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, thủ tục tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản, thủ tục thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản và các vấn đề khác liên quan đến thủ tục phá sản.

11.44. Học phần: Pháp luật về xúc tiến thương mại

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp luật về xúc tiến thương mại là môn học chuyên ngành sâu dành riêng cho chương trình cử nhân Luật Kinh doanh, đồng thời đây cũng là một trong những môn tự chọn như một điểm nhấn khác biệt giữa ngành Luật kinh doanh với các ngành luật khác trong hệ thống đào tạo.

Môn học được chia làm 4 chương trình bày các vấn đề như giới thiệu tổng quan về hoạt động xúc tiến thương mại (dưới góc độ kinh tế, quản lý Nhà nước, pháp lý); hành lang pháp lý Việt Nam đối với hoạt động xúc tiến thương mại (những hình thức xúc tiến thương mại, những quyền của thương nhân trong hoạt động xúc tiến thương mại, cách thức thực hiện các quyền đó của thương nhân cũng như những lưu ý trong từng hình thức và những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xúc tiến thương mại); trình tự, thủ tục đăng ký xúc tiến thương mại và vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động xúc tiến thương mại.

11.45. Học phần: Luật đấu thầu

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu của lĩnh vực luật kinh doanh để sinh viên nắm bắt được bản chất của hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan sử dụng nguồn lực Nhà nước trong đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư trong hợp tác công tư. Môn học góp phần trang bị và phát triển kỹ năng ứng dụng khi tham gia vào các hoạt động liên quan đấu thầu (trong đó có việc lập kế hoạch và chuẩn bị hồ sơ lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng trong đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng hợp tác công tư); khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đấu thầu.

11.46. Học phần: Pháp luật thương mại điện tử

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp luật Thương mại Điện tử là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành cho các chương trình cử nhân Luật Kinh doanh và Luật Thương mại quốc tế. Môn học cung cấp cái nhìn tổng quan về khung pháp lý điều chỉnh thương mại điện tử; khám phá các vấn đề và thách thức pháp lý liên quan đến giao dịch trực tuyến, hợp đồng điện tử, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu, sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng và giải quyết tranh chấp. Người học sẽ phát triển sự hiểu biết vững chắc về các nguyên tắc và quy định pháp lý liên quan đến thương mại điện tử và ý nghĩa thực tiễn của chúng.

11.47. Học phần: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần giới thiệu các kiến thức chuyên sâu về người tiêu dùng, vấn

đề bảo vệ người tiêu dùng và quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo pháp luật Việt Nam. Cụ thể, nội dung chính của môn học bao gồm: (i) Tổng quan về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: trên thế giới và Việt Nam; (ii) Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; (iii) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh; (iv) Giải quyết tranh chấp liên quan đến người tiêu dùng.

11.48. Học phần: Pháp luật kinh doanh bất động sản

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: đã học môn Luật Đất đai

Nội dung: Môn học Pháp luật kinh doanh bất động sản thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo Luật kinh tế. Nội dung môn học pháp luật về kinh doanh bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật cụ thể, chuyên sâu về kinh doanh bất động sản như: điều kiện kinh doanh bất động sản; quy định cụ thể trong các hoạt động kinh doanh quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng, chuyển nhượng dự án bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản. Đồng thời, môn học giúp rèn luyện kỹ năng tra cứu, phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức vào hoạt động tư vấn, giải quyết các tình huống, vụ việc cụ thể trong kinh doanh bất động sản. Những kiến thức và kỹ năng của học phần đáp ứng chuẩn đầu trong chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế.

11.49. Học phần: Pháp luật kinh doanh bảo hiểm

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết : không

Nội dung: Cơ sở lý luận và hệ thống quy phạm pháp luật thực định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể tiếp cận và làm chủ các tình huống trong thực tiễn hoạt động bảo hiểm.

11.50. Học phần: Luật biển

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Luật biển là một ngành luật độc lập của hệ thống pháp luật quốc tế bao gồm tổng thể các nguyên tắc và quy phạm pháp lý quốc tế do các chủ thể của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa các chủ thể của luật quốc tế trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng biển và đại dương vì mục đích hòa bình. Thông qua việc học tập, nghiên cứu, Luật Biển quốc tế sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương thức xác lập và chế độ pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của (nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa) và các vùng biển chung của cộng đồng (biển quốc tế và đáy đại dương); đảo, quần đảo và vùng nước quần đảo; phân định biển; khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học về biển; giải quyết tranh chấp biển,...Mặt khác, Luật Biển còn

trang bị cho người học những nhận thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể luật quốc tế khi thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia, quyền tài phán, các quyền và tự do khác trên các vùng biển của quốc gia và các vùng biển chung của cộng đồng. Đồng thời, trên cơ sở kiến thức chung của Luật Biển quốc tế, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề pháp lý cơ bản nhất về Luật biển Việt Nam năm 2012.

11.51. Học phần: Pháp luật về hàng hải

Thời lượng: 03 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần Pháp luật về hàng hải giới thiệu kiến thức về hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường biển tại Việt Nam và quốc tế, thuê tàu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, các vấn đề hàng hải khác, và cách thức lựa chọn luật áp dụng, cơ quan tài phán và cách áp dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống giả định và tình huống thực tế liên quan. Ngoài ra học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để tham gia vào quá trình tư vấn các tranh chấp liên quan tới pháp luật hàng hải.

11.52. Học phần: Pháp luật về bảo hiểm quốc tế

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần pháp luật về bảo hiểm quốc tế nghiên cứu khung pháp lý của luật bảo hiểm quốc tế từ điều ước quốc tế tới luật quốc gia. Học phần cung cấp cách thức lựa chọn luật áp dụng, cơ quan tài phán và cách áp dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý liên quan tới bảo hiểm quốc tế. Ngoài ra học phần cung cấp nội dung cơ bản của hợp đồng bảo hiểm quốc tế để sinh viên có khả năng soạn thảo hợp đồng.

11.53. Học phần: Luật môi trường quốc tế

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Luật Môi trường Quốc tế là môn học hai tín chỉ trong khối kiến thức chuyên ngành cho sinh viên đại học ngành Luật Kinh tế. Môn học thảo luận một cách toàn diện các khuôn khổ pháp lý và các nguyên tắc điều chỉnh việc bảo vệ và bảo tồn môi trường toàn cầu. Thông qua cách tiếp cận liên ngành, người học sẽ khám phá những giao điểm của luật pháp, chính sách và khoa học trong việc giải quyết những thách thức phức tạp về suy thoái môi trường và phát triển bền vững ở cấp độ quốc tế. Đồng thời, môn học cũng đặt vấn đề về vai trò và nhiệm vụ của pháp luật Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường.

11.54. Học phần: Tập quán thương mại quốc tế

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Tập quán thương mại quốc tế là môn học nghiên cứu những tập quán điều chỉnh mối quan hệ pháp lý giữa các thương nhân trong hoạt động thương mại quốc tế. Mục đích của môn học này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về tập quán thương mại quốc tế, giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời môn học còn giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết tình huống cụ thể có liên quan đến tập quán thương mại quốc tế. Cụ thể, môn học sẽ đưa ra những tình huống để phân tích, làm rõ việc vận dụng các tập quán như là nguồn luật giải quyết tranh chấp phát sinh giữa các thương nhân trong hoạt động thương mại quốc tế.

11.55. Học phần: Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành cho các chương trình cử nhân Luật Thương mại quốc tế. Môn học được chia làm 2 phần chính, phần đầu cung cấp kiến thức về những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại giữa các quốc gia thành viên trong các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là những Hiệp định mà Việt Nam là thành viên như WTO, ATIGA, và các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA. Phần thứ hai tập trung vào cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, được quy định trong các Hiệp định bảo hộ đầu tư, người học sẽ được tìm hiểu về thẩm quyền giải quyết tranh chấp, trình tự thủ tục giải quyết, và cơ chế thực thi phán quyết của các tranh chấp đầu tư quốc tế, đặc biệt là những cơ chế GQTC phổ biến, và những cơ chế được quy định trong các Hiệp định TMTD thế hệ mới. Ngoài ra, những thách thức hiện nay đang được đặt ra đối với các cơ chế giải quyết tranh chấp này cũng sẽ được đề cập để đánh giá sự hiệu quả và những thách thức mà các quốc gia đang phải đối mặt khi áp dụng các cơ chế giải quyết này.

11.56. Học phần: Pháp luật về phòng vệ thương mại

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Pháp luật về phòng vệ thương mại là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành cho các chương trình cử nhân Luật Thương mại quốc tế. Môn học cung cấp kiến thức về những biện pháp phòng vệ thương mại được quy định trong các Hiệp định thương mại quốc tế mà các quốc gia có thể sử dụng để bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước những tác động bất lợi từ các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại quốc tế của các quốc gia khác, cũng như từ sự gia tăng đột biến của hàng nhập khẩu dẫn đến cạnh tranh với hàng nội địa. Qua môn học người học sẽ hiểu được những biện pháp phòng vệ thương mại là những biện pháp nào, điều kiện để áp dụng các biện pháp này, và cơ chế để giải quyết khi có những tranh chấp xảy ra

giữa quốc gia đưa ra các biện pháp phòng vệ thương mại và quốc gia có hàng xuất khẩu phải chịu tác động từ những biện pháp này.

11.57. Học phần: Quyền con người trong thương mại quốc tế

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Quyền con người trong thương mại quốc tế là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của Chương trình Luật Thương mại quốc tế. Môn học này trang bị cho người học những kiến thức lý luận và pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam cơ bản về quyền con người và kiến thức chuyên sâu về quyền con người trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Đặc biệt là các quy định, cam kết về quyền con người trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên, điển hình là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA); Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP) trong mối liên hệ với các điều ước quốc tế về quyền con người được thông qua trong khuôn khổ của Liên hợp quốc và ASEAN mà Việt Nam là thành viên. Đồng thời, liên hệ với thực tiễn xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam nhằm thực thi hiệu quả cam kết về quyền con người trong thương mại quốc tế.

11.58. Học phần: Luật đầu tư quốc tế

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học nghiên cứu chủ yếu về pháp luật điều chỉnh đầu tư quốc tế nhằm tự do hoá đầu tư cũng như bảo hộ đầu tư nước ngoài, đồng thời cung cấp kiến thức về sự phát triển của pháp luật và các yếu tố thể chế, kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế. Môn học nghiên cứu các loại nguồn luật điều chỉnh đầu tư quốc tế như các điều ước về đầu tư ở tầm toàn cầu, các hiệp định đầu tư song phương (BITs), các hiệp định đầu tư khu vực, tập quán quốc tế về đầu tư, án lệ quốc tế về đầu tư v.v. Môn học cũng phân tích mối tương quan giữa luật trong nước với luật quốc tế và giữa các nguồn luật, cũng như vấn đề áp dụng chúng trong việc điều chỉnh quan hệ đầu tư quốc tế.

11.59. Học phần: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu là môn học chuyên môn của sinh viên luật nhằm mở rộng kiến thức về pháp luật liên quan đến thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan, quy trình, nghiệp vụ thực hiện việc xuất nhập khẩu hàng hóa.

Môn học sẽ cung cấp cho người học những quy định của điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên và những quy định của pháp luật hải quan Việt Nam

hiện hành có đối chiếu so sánh với pháp luật hải quan một số nước trên thế giới và khu vực để thấy được sự tương đồng và sự khác biệt của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, môn học cung cấp kiến thức thực tiễn liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

11.60. Học phần: Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế

Thời lượng: 02 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành cho các chương trình cử nhân Luật Thương mại quốc tế. Môn học cung cấp kiến thức về những phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ngoài tòa án) để giúp giải quyết các tranh chấp giữa các bên, đặc biệt là các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại, kinh doanh và đầu tư, có thể có hoặc không có yếu tố nước ngoài. Qua môn học người học sẽ hiểu được có những phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ngoài tòa án) nào, ưu, nhược điểm của từng phương thức, điều kiện để được áp dụng các phương thức cụ thể khi có tranh chấp xảy ra, trình tự, thủ tục của mỗi phương thức, và khả năng thực thi kết quả giải quyết tranh chấp, đặc biệt với các tranh chấp về thương mại, đầu tư, kinh doanh có yếu tố nước ngoài. Ngoài ra, những xu thế mới trong các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như giải quyết tranh chấp trực tuyến cũng sẽ được đề cập.

12. Đội ngũ giảng viên (xem Phụ lục)

12.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Dương Anh Sơn	1964	PGS.TS	Luật học	Luật hợp đồng
					Các hợp đồng thông dụng
2	Ngô Hữu Phước	1972	PGS.TS	Luật học	Luật quốc tế
					Quyền con người trong thương mại quốc tế
					Luật biển
					Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý
3	Vũ Kim Hạnh Dung	1988	TS	Luật học	Luật kinh doanh quốc tế
					Tập quán thương mại quốc tế
					Nghiệp vụ xuất nhập khẩu

					Luật thương mại quốc tế
4	Bùi Thị Hằng Nga	1982	TS	Luật kinh tế	Luật thương mại
					Pháp luật doanh nghiệp
					Pháp luật về quản trị công ty
					Pháp luật kinh doanh bảo hiểm
5	Trương Trọng Hiếu	1978	ThS	Luật học	Luật cạnh tranh
					Luật đất đai
6	Trịnh Thục Hiền	1980	TS	Luật học	Pháp luật thương mại điện tử
					Luật kinh doanh quốc tế
					Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý
					Luật môi trường quốc tế
7	Phan Thị Hương Giang	1988	ThS	Luật kinh tế	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
					Luật đất đai
					Pháp luật kinh doanh bất động sản
8	Đào Gia Phúc	1988	TS	Luật so sánh	Luật thương mại quốc tế
					Luật môi trường quốc tế
9	Nguyễn Phan Phương Tàn	1987	TS	Luật kinh tế	Pháp luật về/Nghiệp vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
					Luật hợp đồng
					Các hợp đồng thông dụng
					Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng
10	Nguyễn Thị Phương Thảo	1989	ThS	Luật kinh tế	Pháp luật doanh nghiệp
					Pháp luật xúc tiến thương mại
					Luật đấu thầu
					Pháp luật về quản trị công ty

					Pháp luật về đầu tư
11	Nguyễn Thị Lâm Nghi	1981	ThS	Luật học	Luật sở hữu trí tuệ
12	Trần Minh Tú	1995	ThS	Luật học	Luật sở hữu trí tuệ Luật doanh nghiệp
13	Nguyễn Công Định	1994	ThS	Luật thương mại quốc tế	Pháp luật về phòng vệ thương mại Nghị quyết tranh chấp thương mại quốc tế Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế
14	Nguyễn Minh Bách Tùng	1989	ThS	Luật thương mại quốc tế	Luật thương mại quốc tế Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan
15	Nguyễn Đình Đức	1993	ThS	Luật thương mại quốc tế	Pháp luật doanh nghiệp Quyền con người trong thương mại quốc tế Luật quốc tế
16	Bùi Lê Thục Linh	1992	TS	Luật kinh doanh quốc tế	Luật kinh doanh quốc tế Luật đầu tư quốc tế
17	Bùi Nguyễn Trà My	1990	ThS	Luật học	Pháp luật về hàng hải Pháp luật về bảo hiểm quốc tế
18	Đào Thị Thu Hằng	1977	TS	Luật học	Pháp luật doanh nghiệp Luật du lịch Luật thương mại
19	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1977	TS	Luật học	Luật đất đai Pháp luật kinh doanh bất động sản
20	Nguyễn Trường Ngọc	1979	TS	Luật học	Pháp luật doanh nghiệp Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

12.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Tiến Dũng	PGS	TS	Kinh tế công	Kinh tế vĩ mô
2	Nguyễn Chí Hải	PGS	TS	Kinh tế học	Kinh tế vi mô
3	Trần Thị Lệ Thu		ThS	Luật	Nhập môn luật học
					Luật Hành chính
					Kỹ thuật soạn thảo văn bản
4	Phạm Đức Chính	PGS	TSKH	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản
5	Đoàn Thị Phương Diệp		TS	Luật	Luật lao động
					Luật thuế
6	Nguyễn Đình Huy		TS	Luật	Luật dân sự - Tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế
					Luật dân sự - Những vấn đề chung
7	Châu Quốc An		TS	Luật	Luật dân sự - Nghĩa vụ ngoài hợp đồng
					Luật dân sự - Những vấn đề chung
8	Trần Thanh Long		TS	Kinh tế đối ngoại	Logistics
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	PGS	TS	Luật	Luật tổ tụng dân sự

12.3 Danh sách cố vấn học tập

- TS Vũ Kim Hạnh Dung
- TS Bùi Thị Hằng Nga
- TS Nguyễn Trường Ngọc
- TS Trịnh Thục Hiền

- TS Đào Thị Thu Hằng
- TS Nguyễn Phan Phương Tàn
- ThS Nguyễn Thị Phương Thảo
- ThS Nguyễn Thị Lâm Nghi
- ThS Phan Thị Hương Giang
- ThS Bùi Nguyễn Trà My
- ThS Nguyễn Công Định
- ThS Nguyễn Đình Đức

13. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

(xem Phụ lục)

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến trúc giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Các môn phải được giảng dạy đúng thứ tự đã ghi theo từng học kỳ và đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

Hoạt động đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

15. Kế hoạch bảo đảm chất lượng

Chương trình đào tạo được định kỳ điều chỉnh rà soát mỗi 02 năm một lần theo kế hoạch chung của toàn trường.

Tiến hành đánh giá ngoài cấp AUN, FIBAA hoặc kiểm định theo kế hoạch đảm bảo chất lượng của toàn trường.

16. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

(xem Phụ lục)

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình*(xem Phụ lục)***PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH****Ngô Hữu Phước****HIỆU TRƯỞNG****Hoàng Công Gia Khánh**

PHỤ LỤC

12.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Bùi Nguyễn Trà My 27/10/1990	186944592 Viet Nam		Th.S, Pháp, 2015	Luật kinh doanh và thuế	15/02/2017	X	HC 4797916450442	5	0	0	
2	Trần Minh Tú 28/11/1995	079195009095 Việt Nam		Th.S, Mỹ, 2019	Luật	2020		7932157144	2	0	0	
3	Nguyễn Công Định 08/09/1994	052094000178 Việt Nam		Th.S, Anh Quốc, 2018	Luật thương mại và kinh doanh quốc tế	1/11/2018	X		4	0	0	

4	Bùi Thị Hằng Nga 30/11/1982	064182004269 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Luật Kinh tế	01/4/2009	x	HC4797909221434	17			
5	Vũ Kim Hạnh Dung	075188008068 Việt Nam		TS, Nhật Bản, 2020	Luật	14/02/2014	X	7910485698	9			
6	Nguyễn Phan Phương Tàn	079187004274 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	1/4/2014	X	7909211327	9			
7	Nguyễn Trưởng Ngọc 10/05/1980	040080026322 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Luật Kinh tế	01/04/2014	X	HC 0111151916	9 năm			
8	Nguyễn Đình Đức	001093020573 Việt Nam		Th.S, Anh Quốc, 2018 Th.S, Việt Nam, 2018	Toàn cầu hóa Pháp luật về quyền con người	3/2022	X	HC4790116260393	1 năm	0	0	
9	Đào Thị Thu Hằng			TS, Việt Nam								
10	Nguyễn Minh Bách Tùng			ThS, Anh								
11	Phan Thị Hương Giang	064188000104 Việt Nam		Ths. Việt Nam 2015	Luật thương mại và luật kinh tế	2015	X		8 năm			
12	Nguyễn Thị Phương Thảo	0541889007925 Việt Nam		ThS. Việt Nam 2015	Luật kinh tế	1/11/2011	X	7911498459	10 năm			
13	Trương	058078005562		ThS.	Luật	01/4/2008	x	HC4794404000089	19	2	6	

	Trọng Hiếu	Việt Nam		Nhật Bản, 2015								
14	Bùi Lê Thục Linh	225487201 Việt Nam		TS. Hungary 2023	Luật	15/11/2016	x		3			
15	Nguyễn Thị Thanh Xuân	042177006306		TS. Việt Nam 2021	Luật Kinh tế	01/11/2000		5402004289	22 năm	0	1	
16	Nguyễn Thị Lâm Nghi	092181012465		ThS, Úc, 2009	Luật TMQT và SHTT	2015x	x	9211009310	14			
17	Đào Gia Phúc	079088020497		TS, Nhật Bản, 2019	Luật So sánh	2012	x	7912388031	11		1	
18	Trịnh Thục Hiền	079180004484		TS 2019	Luật học	01/10/2010			19 năm			
19	Ngô Hữu Phước	044072000304	PGS. 2021	TS 2012	Luật học	1/5/1999		HC4790299086051	24 năm	01	04	
20	Dương Anh Sơn	044064001063	2011	2002 Cộng hòa Moldova	Luật học	1/3/2003			20	2	1	

Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
1	Nguyễn Ngọc Điện	02587860 6	PGS, 2010	TS, Pháp, 2010	Luật tư	2008			40	4	1	
2	Lê Vũ Nam 20/06/1969	24159125	PGS	TS, 1998, Moldova (Liên xô cũ)	Luật kinh tế	1/5/2006	HD làm việc toàn thời gian		16	3	6	
3	Đoàn Thị Phương Diệp	51177000 312	PGS, 2022	TS, Pháp, 2012	Luật học	4/2009	HD làm việc toàn thời gian		20	3	2	
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	89181002 30 Việt Nam	PGS 2018	TS, Pháp, 2012	Luật kinh doanh	1/9/2007		2053720 89	17	3	2	
5	Lê Nguyễn Gia Thiện	79087010 611		TS, Đức, 2020	Luật dân sự, thương mại, quốc tế & so sánh	1/3/2012	HD không xác định thời hạn		11	1		
6	Nguyễn Đình Huy	04206900 0391		TS, LBN	Luật	01/11/2005			24	2	10	
7	Cao Vũ Minh, 11/8/1984	02380694 7, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Luật Hiến pháp và Luật Hành	01/07/2022	HD làm việc không xác định	HC4790 2074718 93	15	5	5	

					chính		thời hạn					
8	Châu Quốc An 28/07/1977	02516852 0, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2005	Luật Kinh tế	01/02/2007		HC4790 20316	15	7	23 (cấp tỉnh)	
9	Huỳnh Thị Nam Hải 31/01/1986	83186010 878, Việt Nam		ThS, Pháp, 2010	Luật hợp tác kinh tế	01/01/2012	Hợp đồng làm việc toàn thời gian	HC4797 9111130 70	10	0	6	
10	Ngô Minh Phương Thảo 18/03/1990	19724894 6, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Luật Kinh tế	16/10/2017		4520107 391	4	0	0	
11	Trịnh Thị Hằng 21/12/1989	18662984 4, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Luật Kinh tế	15/7/2020	HD làm việc xác định thời hạn	HC4794 0120055 46	10	0	0	
12	Lê Thị Ngọc Yến, 9/5/1989	09318900 0307, Việt Nam		ThS, Pháp, 2015	Luật Xã hội	1/5/2017	HD làm việc không xác định thời hạn	HC 479 791 652 3689	5	0	0	
13	Mai Hoàng Phước	07909000 1932, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2018	Luật Dân sự-Tổ tụng dân sự	14/2/2021	HD làm việc không xác định thời hạn	8205139 247	4	0	0	
14	Lê Hoài Nam (10/02/1993)	52093012 103		ThS, Việt Nam, 2019	Luật Dân sự-Tổ tụng dân sự	01/04/2017	HD làm việc không xác định thời hạn	HC4797 9164773 61	5	0	1	
15	Nguyễn Thị Khánh Ngọc (4/8/1986)	31860054 30		ThS, Pháp, 2011	Luật quốc tế	1/3/2013	HD làm việc toàn thời gian	HC 4797913 082872	9	0	0	

16	Nguyễn Thị Vy Quý 27/09/1990	04519000 3426		ThS, Việt Nam, 2016	Luật Dân sự-Tổ tụng dân sự	1/6/2013	HĐ làm việc toàn thời gian	HC 4797912 250953	9	2	1	
17	Trần Thị Thu Ngân. 18/06/1980	25726519		ThS, Việt Nam, 2015	Luật kinh Tế	17/1/2011	HĐ làm việc toàn thời gian		14		2	
18	Bạch Thị Nhã Nam	21272275 4		ThS, Hàn Quốc, 2013; NCS Úc 2021	Luật kinh doanh quốc tế	14/2/2014	HĐ làm việc toàn thời gian		9			
19	Lưu Minh Sang 01/01/1989	06808900 7309		ThS, Việt Nam, 2015	Luật Kinh tế	01/02/2013	HĐ làm việc toàn thời gian	7912289 804	9	5	1	
20	Trần Thị Lệ Thu, 02/01/1979	00617900 0045, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2006	Luật Kinh tế	1/2/2007	HĐ làm việc toàn thời gian	0204017 011	15	3	1	
21	Lưu Đức Quang 04/10/1978	00107800 8608		ThS, 2015, Việt Nam	Luật HP và Luật hành chính	15/5/2018	HĐ làm việc toàn thời gian		5	0	2	
22	Nguyễn Thế Đức Tâm 22/06/1992	02460389 5		ThS, Pháp, 2017	Luật Kinh doanh quốc tế	16/10/2017	HĐ làm việc không xác định thời hạn	HC4797 9307652 78	5	1	1	
23	Lê Nguyễn Nhật Minh, 15/08/1993	C3065131		ThS, Hà Lan, 2017	Luật quốc tế và châu Âu: chuyên ngành Luật nhân quyền quốc tế	01/06/2018	HĐ làm việc không xác định thời hạn		4	0	1	

24	Ngô Minh Tín, 08/10/1988	08308800 0255, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Luật Quốc tế	03/9/2019	Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn,	7911394 660	8	0	0	
25	Nguyễn Ngọc Phương Hồng, 10/09/1995	28565559 1, Việt Nam		ThS, Trung Quốc, 2020	Luật Sở hữu trí tuệ	1/10/2020	Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn,	7021014 060	2	0	0	
26	Nguyễn Lê Mỹ Kim	79195000 356		ThS, Trung Quốc, 2020	Luật học	14/12/2020	HĐ không xác định thời hạn		2	0	0	
27	Nguyễn Nhật Khanh, 09/10/1992	06609201 2282, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	01/07/2022	HĐ làm việc không xác định thời hạn	HC4797 9152430 49	7	2	3	
28	Hồ Thủy Tiên	07919100 8923		ThS, Việt Nam, 2020	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	01/03/2022	HĐ làm việc xác định thời hạn	7913335 439	1	0	0	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

12.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Dương Anh Sơn	Luật hợp đồng	Học kỳ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
2	Ngô Hữu Phước	Luật quốc tế	Học kỳ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
3	Vũ Kim Hạnh Dung	Luật kinh doanh quốc tế	Học kỳ 6	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
4	Bùi Thị Hằng Nga	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	Học kỳ 8	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
5	Nguyễn Phan Phương Tần	Luật hợp đồng	Học kỳ 2	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
6	Đào Thị Thu Hằng	Pháp luật doanh nghiệp	Học kỳ 2	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
7	Trương Trọng Hiếu	Luật cạnh tranh	Học kỳ 4	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

8	Nguyễn Thị Lâm Nghi	Luật sở hữu trí tuệ	Học kỳ 7	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
9	Nguyễn Trường Ngọc	Luật phá sản	Học kỳ 5	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
10	Trần Minh Tú	Luật sở hữu trí tuệ	Học kỳ 7	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
11	Bùi Nguyễn Trà My	Pháp luật về hàng hải	Học kỳ 7	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
12	Nguyễn Công Định	Pháp luật về phòng vệ thương mại	Học kỳ 6	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
13	Nguyễn Đình Đức	Quyền con người trong thương mại quốc tế	Học kỳ 5	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
14	Bùi Lê Thục Linh	Luật kinh doanh quốc tế	Học kỳ 6	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
15	Nguyễn Minh Bách Tùng	Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan	Học kỳ 6	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
16	Đào Gia Phúc	Luật thương mại quốc tế	Học kỳ 5	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
17	Trịnh Thục Hiền	Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý	Học kỳ 3	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

18	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Luật đất đai	Học kỳ 3	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
19	Nguyễn Thị Phương Thảo	Pháp luật doanh nghiệp	Học kỳ 2	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
20	Phan Thị Hương Giang	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Học kỳ 5	X				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

12.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Ngô Hữu Phước 1972 Phó Trưởng Khoa phụ trách	PGS.TS	Luật học	
2	Trịnh Thục Hiền 1980 Phó trưởng Khoa	TS	Luật học	
3	Vũ Kim Hạnh Dung 1988 Trưởng Bộ môn Luật Thương mại quốc tế	TS	Luật học	

12.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy học phần
Chuyên ngành Luật Kinh doanh

STT	Học phần	Mã học phần	Họ tên giảng viên giảng dạy 1	Họ tên giảng viên giảng dạy 2	Họ tên giảng viên giảng dạy 3
HỌC KỲ 1					
Học phần bắt buộc	Triết học Mác - Lênin	BDG1001			
	Kinh tế vi mô	BEE1037			
	Nhập môn Luật học	BLB1048			
	Quản trị học	BBB1067			
Học phần tự chọn	Tâm lý ứng dụng	BDG1006			
	Khoa học giao tiếp	BDG1007			
	Xã hội học	BDG1008			
	Quan hệ quốc tế	BDG1009			
	Văn hóa học	BDG1010			
	Giáo dục thể chất 1	BDG1012			
HỌC KỲ 2					
Học phần bắt buộc	Luật hiến pháp	BLB2049	ThS. Lưu Đức Quang		
	Kinh tế vĩ mô		PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng		
	Luật dân sự - Những vấn đề chung	BLC2045			
	Luật hành chính	BLB2050	TS. Thái Thị Tuyết Dung	TS.Cao Vũ Minh	Ths.Nguyễn Nhật Khanh
Học phần tự chọn	Logic học	BDG1011			
	Tài chính cá nhân	BFF1047			

	Sáng tạo và khởi nghiệp	BBM1065			
	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	BBB1068			
	Giáo dục thể chất 2	BDG1013			
	Giáo dục QP (4 tuần)	BDG1014			
HỌC KỲ 3					
Học phần bắt buộc	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BEE1002			
	Luật dân sự - Tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	BLC4012	PGS.TS Nguyễn Ngọc Điện	TS. Nguyễn Đình Huy	
	Luật quốc tế	BKT2048	PGS.TS Ngô Hữu Phước	TS.Nguyễn Trường Ngọc	ThS. Nguyễn Đình Đức
	Pháp luật doanh nghiệp	BKB1046	TS.Đào Thị Thu Hằng	Ths.Nguyễn Thị Phương Thảo	Ths.Bùi Nguyễn Trà My
	Luật hợp đồng	BKB5016	PGS.TS Dương Anh Sơn	TS.Nguyễn Phan Phương Tàn	Ths.Nguyễn Công Định
Học phần tự chọn	Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý	BKT4025	TS.Trịnh Thực Hiền		
	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	BKT4049	PGS.TS. Ngô Hữu Phước		
	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng		TS. Nguyễn Phan Phương Tàn		
	Luật du lịch	BKB5014	TS. Đào Thị Thu Hằng		
HỌC KỲ 4					
Học phần bắt buộc	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	BDG1003			

	Luật thương mại	BKB4021	TS. Đào Thị Thu Hằng	Ths.Nguyễn Thị Phương Thảo	
	Luật tổ tụng dân sự	BLC2046			
	Luật dân sự - Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	BLC2047			
	Luật Đất đai	BKB3011	TS. Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ths.Trương Trọng Hiếu	Ths.Phan Thị Hương Giang
Học phần tự chọn	Các hợp đồng thông dụng	BKB4001	TS. Nguyễn Phan Phương Tàn		
	Luật so sánh	BLB4018	TS. Lê Nguyễn Gia Thiện		
	Logistics	BRE5032			
	Pháp luật thương mại điện tử	BKT5030	TS.Trịnh Thục Hiền		
HỌC KỲ 5					
Học phần bắt buộc	Tư tưởng HCM	BDG1004			
	Pháp luật về đầu tư	BKB4035	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo		
	Luật hình sự	BLB2051	Ths.Ngô Minh Tín	Ths. Lê Nguyễn Nhật Minh	
	Luật lao động	BLC5014	PGS.TS Đoàn Phương Diệp		
	Luật cạnh tranh	BKB4010	Ths.Trương Trọng Hiếu		
	Pháp luật về quản trị công ty	BKB5041	Ths.Nguyễn Thị		

			Phương Thảo		
Học phần tự chọn	Pháp luật mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	BKT5039	TS. Nguyễn Phan Phương Tàn	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	
	Luật phá sản	BKB5019	TS. Nguyễn Trường Ngọc		
HỌC KỲ 6					
Học phần bắt buộc	Lịch sử Đảng CSVN	BDG1005			
	Luật tố tụng hình sự	BLB2052	Ths. Lê Nguyễn Nhật Minh		
	Luật sở hữu trí tuệ	BKB4020	Ths. Nguyễn Thị Lâm Nghi	Ths. Trần Minh Tú	
	Luật thương mại quốc tế	BKT5023	Ts. Đào Gia Phúc	TS. Vũ Kim Hạnh Dung	Ths. Nguyễn Minh Bách Tùng
	Kiến tập	BUU6002			
Học phần tự chọn	Pháp luật kinh doanh bất động sản	BKB5029	PGS.TS Đoàn Phương Diệp		
	Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế	BKT5002	TS. Vũ Kim Hạnh Dung	Ths. Nguyễn Công Định	
	Pháp luật về xúc tiến thương mại	BKB5042	Ths. Nguyễn Thị Phương Thảo		
	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	BLB5025	TS. Bùi Thị Hằng Nga		
HỌC KỲ 7					
Học phần bắt buộc	Tư pháp quốc tế	BLC4043	TS. Lê Nguyễn Gia Thiện		
	Luật ngân hàng	BLB5017	Ths. Lưu Minh Sang		

	Luật môi trường	BLB4016	TS. Lê Nguyễn Gia Thiện		
	Luật kinh doanh quốc tế	BKT4017	TS.Vũ Kim Hạnh Dung	TS.Trịnh Thục Hiền	TS.Bùi Lê Thục Linh
	Luật thuế	BLB4019			
Học phần tự chọn	Luật đấu thầu	BKB5012	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo		
	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	BLB5034	ThS. Nguyễn Thị Phương Hồng		
HỌC KỲ 8					
Học phần bắt buộc	Thực tập cuối khoá	BUU6002			
Học phần tự chọn	Khóa luận tốt nghiệp	BUU6001			
	Môn chuyên môn 1: Nghiệp vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	BKB5026	TS. Nguyễn Phan Phương Tàn	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	
	Môn chuyên môn 2: Kỹ năng hành nghề luật	BKB5005	PGS.TS. Ngô Hữu Phước		

Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế

STT	Học phần	Mã học phần	Họ tên giảng viên giảng dạy 1	Họ tên giảng viên giảng dạy 2	Họ tên giảng viên giảng dạy 3
HỌC KỲ 1					
Học phần bắt buộc	Triết học Mác - Lênin	BDG1001			
	Kinh tế vi mô	BEE1037			
	Nhập môn Luật học	BLB1048			

	Quản trị học	BBB1067			
Học phần tự chọn					
	Tâm lý ứng dụng	BDG1006			
	Khoa học giao tiếp	BDG1007			
	Xã hội học	BDG1008			
	Quan hệ quốc tế	BDG1009			
	Văn hóa học	BDG1010			
	Giáo dục thể chất 1	BDG1012			
HỌC KỲ 2					
Học phần bắt buộc	Luật hiến pháp	BLB2049	ThS. Lưu Đức Quang		
	Kinh tế vĩ mô		PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng		
	Luật dân sự - Những vấn đề chung	BLC2045			
	Luật quốc tế	BKT2048	PGS.TS. Ngô Hữu Phước		
Học phần tự chọn	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	BIE1051			
	Logic học	BDG1011			
	Tài chính cá nhân	BFF1047			
	Sáng tạo và khởi nghiệp	BBM1065			
	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	BBB1068			
	Giáo dục thể chất 2	BDG1013			
	Giáo dục QP (4 tuần)	BDG1014			
HỌC KỲ 3					

Học phần bắt buộc	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BEE1002			
	Luật dân sự - Tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	BLC4012	PGS.TS Nguyễn Ngọc Điện	TS. Nguyễn Đình Huy	
	Luật hành chính	BLB2050			
	Pháp luật doanh nghiệp	BKB1046	TS.Đào Thị Thu Hằng	Ths.Nguyễn Thị Phương Thảo	Ths.Bùi Nguyễn Trà My
	Luật hình sự	BLB2051			
Học phần tự chọn	Nghiên cứu và soạn thảo pháp lý	BKT4025	TS.Trịnh Thục Hiền		
	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	BKT4049	PGS.TS. Ngô Hữu Phước		
HỌC KỲ 4					
Học phần bắt buộc	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	BDG1003			
	Luật thương mại	BKB4021	TS. Đào Thị Thu Hằng	Ths.Nguyễn Thị Phương Thảo	
	Luật tổ tụng dân sự	BLC2046			
	Luật hợp đồng	BKB5016			
	Luật sở hữu trí tuệ	BKB4020	TS. Nguyễn Thị Thanh Xuân	ThS.Trương Trọng Hiếu	Ths.Phan Thị Hương Giang
Học phần tự chọn	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	BKT5039	TS. Nguyễn Phan Phương Tàn	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	
	Pháp luật thương mại điện tử	BKT5030	TS. Trịnh Thục Hiền		
	Luật so sánh	BLB4018	TS. Nguyễn Phan Phương Tàn		

	Các hợp đồng thông dụng	BKB4001	TS. Nguyễn Phan Phương Tần		
HỌC KỲ 5					
Học phần bắt buộc	Tư tưởng HCM	BDG1004			
	Pháp luật về đầu tư	BKB4035	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo		
	Luật dân sự - Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	BLC2047			
	Luật tố tụng hình sự	BLB2052			
	Luật môi trường	BLB4016	TS. Lê Nguyễn Gia Thiện		
	Luật thương mại quốc tế	BKT5023	TS. Đào Gia Phúc	TS. Vũ Kim Hạnh Dung	ThS. Nguyễn Minh Bách Tùng
Học phần tự chọn	Tập quán thương mại quốc tế	BKT5045	TS. Vũ Kim Hạnh Dung		
	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	BKT5003	ThS. Nguyễn Công Định		
	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	BLB5025	TS. Bùi Thị Hằng Nga		
	Pháp luật về bảo hiểm quốc tế	BKT5031	ThS. Bùi Nguyễn Trà My		
HỌC KỲ 6					
Học phần bắt buộc	Lịch sử Đảng CSVN	BDG1005			
	Luật tố tụng hình sự	BLB2052	Ths. Lê Nguyễn Nhật Minh		
	Luật kinh doanh quốc tế	BKT4017	TS. Vũ Kim Hạnh	TS. Trịnh Thục	TS. Bùi Lê Thục

			Dung	Hiền	Linh
	Luật lao động	BLC5014	PGS.TS Đoàn Thị Phương Diệp		
	Luật thuế	BLB4019			
	Kiến tập				
Học phần tự chọn	Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan	BKT5033	ThS. Nguyễn Minh Bách Tùng		
	Pháp luật về phòng vệ thương mại	BKT5040	ThS. Nguyễn Công Định		
	Luật môi trường quốc tế	BKT5018	TS. Đào Gia Phúc		
	Luật đầu tư quốc tế	BKT5013	TS. Vũ Kim Hạnh Dung		
HỌC KỲ 7					
Học phần bắt buộc	Tư pháp quốc tế	BLC4043	TS. Lê Nguyễn Gia Thiện		
	Pháp luật về hàng hải	BKT5037	Ths. Bùi Nguyễn Trà My		
	Quyền con người trong thương mại quốc tế	BKT5043	PGS.TS Ngô Hữu Phước	ThS. Nguyễn Đình Đức	
	Luật đất đai	BKB3011	ThS. Nguyễn Thị Lâm Nghi	ThS. Trần Minh Tú	
	Luật cạnh tranh	BKB4010	ThS. Trương Trọng Hiểu		
Học phần tự chọn	Luật thuế quốc tế	BLB5020			
	Luật biển	BKT5008	TS. Ngô Hữu Phước	ThS. Nguyễn Đình Đức	

HỌC KỲ 8					
	Thực tập cuối khoá	BUU6003			
	Khóa luận tốt nghiệp	BUU6001			

13.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

a. Phòng học

STT	Hạng mục	Số lượng (phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2610		2010	Kiên cố
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	550		2010	Kiên cố
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	8	1190		2010	Kiên cố
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	74	6121		2010	Kiên cố
1.5	Số phòng học đa phương tiện	3	300		2017	Kiên cố
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	28	3223.5		2012	Kiên cố
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1912		2015	Kiên cố

b. Các phòng chức năng khác

STT	Mã công trình	Tên công trình	Loại công trình	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng
1	01_PTN	Phòng thí nghiệm	Phòng thí nghiệm	Phục vụ thực hành	Viên chức người lao động, Sinh viên	100

2	02_PTN	Phòng thí nghiệm	Phòng thí nghiệm	Phục vụ thực hành	Viên chức người lao động, Sinh viên	100
3	KTL.A2	Hội trường		Hiệu bộ - hành chính	Viên chức người lao động, Sinh viên	2110
4	KTL.A4	Căn tin	Nhà ăn	Hiệu bộ - hành chính	Viên chức người lao động, Sinh viên	734
5	KTL.B1	Khối lớp học KTL.B1	Phòng học chuyên dùng		Viên chức người lao động, Sinh viên	5123
6	KTL.B2	Khối văn phòng khoa B2			Viên chức người lao động, Sinh viên	4032
7	KTL.C2	Thế dục thể thao	Nhà tập đa năng		Viên chức người lao động, Sinh viên	6200
8	LUAT_38	Bàn, ghế khu xử án			Viên chức người lao động, Sinh viên	100
9	PGS_01-16	Phòng Phó Giáo sư	Phòng làm việc của giáo sư và phó giáo sư	Hiệu bộ - hành chính	Viên chức người lao động, Sinh viên	18.5

13.2. Thư viện (số liệu năm 2023)

STT	MÔN HỌC	TÊN TÀI LIỆU	TÁC GIẢ	NHÀ XB	NĂM XB	LOẠI TÀI LIỆU		Ghi chú
						Giáo trình	Tham khảo	
1	Luật thương mại quốc tế	The Law and Policy of the World Trade Organization: Text, Cases and Materials	Peter Van den Bossche, Werner Zdouc	Cambridge University Press	2017	x		
2	Luật cạnh tranh	Giáo trình Luật cạnh tranh	Trường ĐH Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2020	x		

		Competition Law - 10th ed	Richard Whish, David Bailey	Oxford university press	2021	x		
3	Luật đất đai	Hiệu lực giao dịch quyền sử dụng đất	Châu Thị Khánh Vân, Nguyễn Thị Thu Trang	ĐHQG TP.HCM, tái bản năm 2020			x	
		Modern Land law	Martin Dixon	Routledge	tái bản năm 2021		x	
4	Luật sở hữu trí tuệ	Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ	ĐH Luật TPHCM	Hồng Đức	2021	x		
5	Luật kinh doanh quốc tế	Luật hợp đồng thương mại quốc tế	Dương Anh Sơn (chủ biên)	ĐHQG TP.HCM	Tái bản 2018	x		
6	Luật doanh nghiệp	Pháp luật doanh nghiệp: quy định và tình huống	Bùi Thị Hằng Nga (chủ biên)	ĐHQG TP.HCM	Tái bản 2021		x	
7	Luật hợp đồng - Lý thuyết về hợp đồng	Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập II	Trường ĐH Luật HN	Công an nhân dân	Tái bản 2017	x		
8	Các hợp đồng dân sự thông dụng	Giáo trình luật Dân sự tập 2	Đại học Luật Hà Nội 2021	Công an nhân dân	Tái bản 2021	x		
9	Luật quốc tế	Luật Quốc tế	Ngô Hữu Phước	Chính trị Quốc gia - Sự thật	2010, 2013, 2022		x	Sách chuyên khảo

10	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Skill for lawyers 2020/2021	Annabel Elkington	College of Law Publishing (tái bản 2020)		x		
11	Tập quán thương mại quốc tế	ISBP 745	Đinh Xuân Trinh, Đặng Thanh Nhân	Lao Động	2013		x	
12	Luật biển	Luật biển	Ngô Hữu Phước	Chính trị Quốc gia-Sự thật	2020		x	Sách chuyên khảo
13	Pháp luật về phòng vệ thương mại	The Law and Policy of the World Trade Organization (3rd edn.)	Peter Van den Bossche and Werner Zdouc	Cambridge University Press	2017	x		
14	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	The Law and Policy of the World Trade Organization (3rd edn.)	Peter Van den Bossche and Werner Zdouc	Cambridge University Press		x		
15	Luật thương mại	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	Đào Thị Thu Hằng	Đại học quốc gia	2018		x	

13.3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu

STT	Mã công trình CSVC	Loại phòng thí nghiệm	Phục vụ ngành	Mức độ đáp ứng nhu cầu NCKH	Năm đưa vào sử dụng
2	02_PTN	Phòng thí nghiệm nghiên cứu, học tập	Pháp luật	Tốt	2019

16. MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			TỔNG SỐ
					A1	A2	A3	B1	B2	B3	C1	C2	C3	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
	1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BDG1001	Triết học Mác Lê - Nin	3	X			X				X		3
2		BEE1037	Kinh tế vi mô	3	X			X				X		3
3		BLB1048	Nhập môn Luật học	3		X	X				X		X	4
4		BBB1067	Quản trị học	3	X							X		2
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1		BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	X									1
2		BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	X					X		X		3
3		BDG1008	Xã hội học	3		X			X			X		3
4		BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	X					X			X	3

5		BDG1010	Văn hoá học	2	X				X	X				3
6		BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3										
			HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BLB2049	Luật Hiến pháp	3										
2		BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3										
3		BLC2045	Luật Dân sự-Những vấn đề chung	3										
4		BLB2050	Luật hành chính	3										
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1	2	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (new ICT)	2										
2		BDG1011	Logic học	2										
3		BFF1047	Tài chính cá nhân	2										
4		BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2										
5		BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (leadership)	2										
6		BDG1013	Giáo dục thể chất 2	3										

5		BKB40201	Luật sở hữu trí tuệ	3	X		X			X				3
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1		BKT5039	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2										
2		BKT5030	Pháp luật thương mại điện tử	2	X		X			X				3
3		BLB4018	Luật so sánh	2										
4		BKB4001	Các hợp đồng thông dụng	2										
			HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2										
2		BKB4035	Pháp luật về đầu tư	3	X		X			X				3
3	5	BLB2051	Luật Hình sự	3										
4		BLB4016	Luật Môi trường	3										
5		BKT5023	Luật Thương mại quốc tế	3	X		X		X			X		4
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1		BKT5045	Tập quán thương mại quốc tế	2										
2		BKT5003	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2	X		X		X					3

3		BLB5025	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2										
4		BKT5031	Pháp luật về bảo hiểm quốc tế	2	X				X	X				3
			HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BDG1005	Lịch sử Đảng CSVN	2										
2		BLB2052	Luật Tổ tụng hình sự	3										
3	6	BKT4017	Luật Kinh doanh quốc tế	3	X	X			X	X				4
4		BLC5014	Luật Lao động	3										
5		BLB4019	Luật Thuế	3										
6		BUU6002	Kiến tập	2										
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1	6	BKT5033	Pháp luật về các biện pháp phi thuế quan	2										
2		BKT5040	Pháp luật về phòng vệ thương mại	2	X		X		X	X				4
3		BKT5018	Luật Môi trường quốc tế	2	X		X			X			X	4

4		BKT5013	Luật Đầu tư quốc tế	2	X	X				X		X		4
			HỌC PHẦN BẮT BUỘC	15										
1	7	BLC4043	Tư pháp quốc tế	3										
2		BKT5037	Pháp luật về hàng hải	3		X		X		X		X		4
3		BKT5043	Quyền con người trong thương mại quốc tế	3	X		X		X				X	4
4		BKB3011	Luật đất đai	3										
5		BKB4010	Luật cạnh tranh	3	X		X			X				3
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1		BLB5020	Luật Thuế quốc tế	2										
2		BKT5008	Luật biển	2	X		X						X	3
	8		HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BUU6003	Thực tập cuối khoá	4										
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											

1		BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4									
2		BKT5027	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2	X					X		X	3
		BKT5006	Kỹ năng hòa giải và trọng tài thương mại	2	X		X		X	X			4

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

[illegible]

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			TỔNG SỐ
					A1	A2	A3	B1	B2	B3	C1	C2	C3	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
1	2	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	X									1
2		BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	X					X		X		3
3		BDG1008	Xã hội hội			X			X			X		3
4		BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	X					X			X	3
5		BDG1010	Văn hoá học	2	X				X	X				3
6		BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3				X					X	2
	2		HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BLB2049	Luật Hiến pháp	3										
2		BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3										
3		BLC2045	Luật Dân sự - Những vấn đề chung	3										

[illegible]

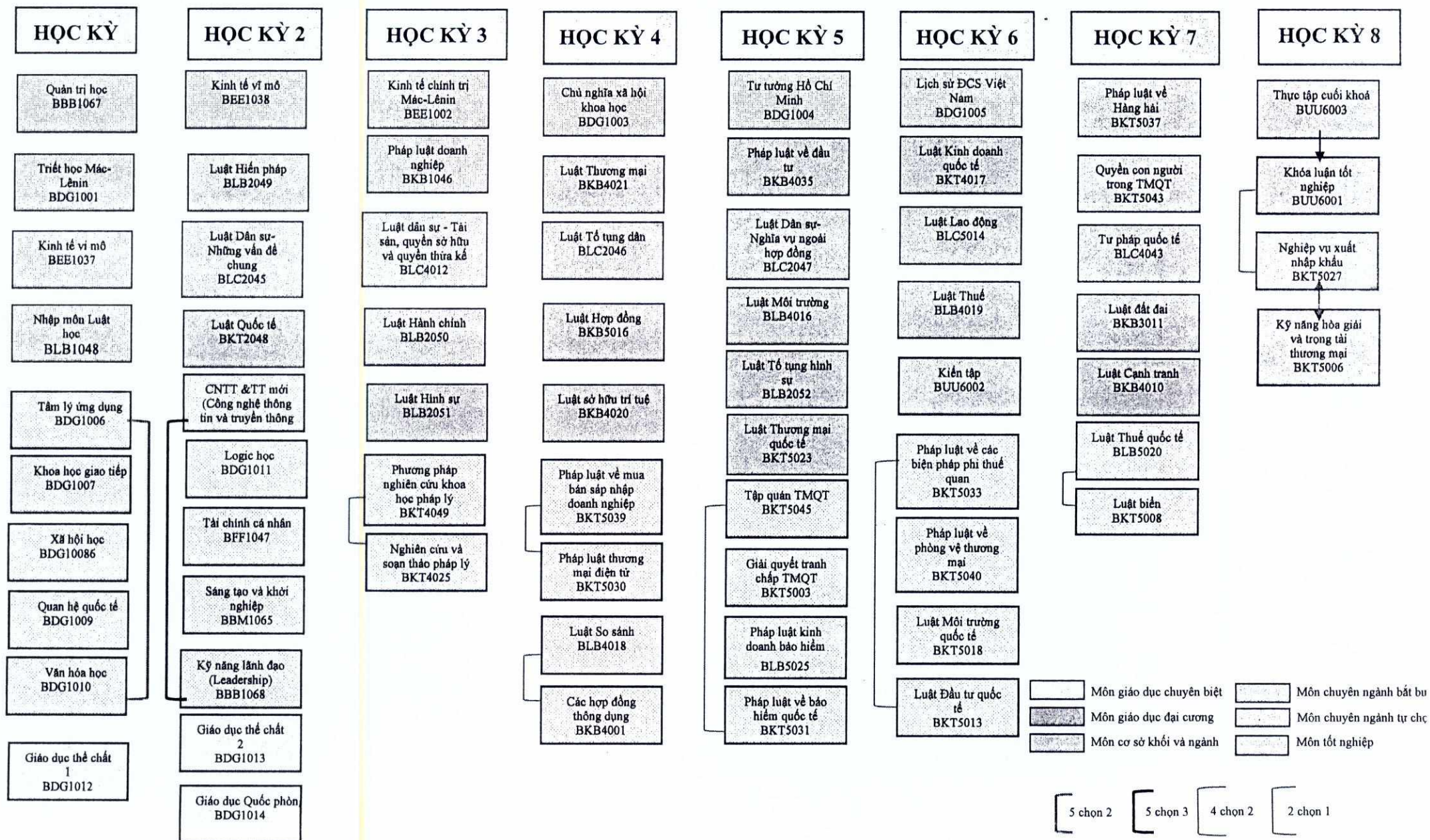
STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			TỔNG SỐ
					A1	A2	A3	B1	B2	B3	C1	C2	C3	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
2		BKB4021	Luật thương mại	3										
3		BLC2046	Luật tố tụng dân sự	3										
4		BLC2047	Luật Dân sự -Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2										
5		BKB4020	Luật sở hữu trí tuệ	3	X		X			X			X	4
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1		BKB4001	Các hợp đồng thông dụng	2	X		X		X		X			4
		BLB4018	Luật So sánh	2										
3		BRE5032	Logistics	2										
4		BKT5030	Pháp luật thương mại điện tử	2	X			X			X		X	4
			HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2										
2		BKB4035	Pháp luật về đầu tư	3	X		X		X		X			4

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			TỔNG SỐ
					A1	A2	A3	B1	B2	B3	C1	C2	C3	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
3	5	BLB2051	Luật Hình sự	3										
4		BLC5014	Luật Lao động	3										
5		BKB4010	Luật Cạnh tranh	3										
6		BKB5041	Pháp luật về quản trị công ty	3	X		X		X		X			4
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1		BKT5039	Pháp luật mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	X		X		X		X			4
2		BKB5019	Luật phá sản	2										
				HỌC PHẦN BẮT BUỘC										
1	6	BDG1005	Lịch sử Đảng CSVN	2										
2		BLB2052	Luật Tổ tụng hình sự	3										
3		BKB3011	Luật đất đai	3	X	X			X	X				4
4		BKT5023	Luật Thương mại quốc tế	3	X			X	X		X	X		5

[illegible]

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			TỔNG SỐ
					A1	A2	A3	B1	B2	B3	C1	C2	C3	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1		BKB5012	Luật đấu thầu	2	X				X		X			3
2		BLB5034	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2										
			HỌC PHẦN BẮT BUỘC											
1		BUU6003	Thực tập cuối khoá	4										
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN											
1	8	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4										
2		BKB5026	Nghiệp vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	X	X				X		X		4
3		BKB5005	Kỹ năng hành nghề luật	2	X		X		X					3

17. SƠ ĐỒ CẤU TRÚC TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ



SƠ ĐỒ CẤU TRÚC TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH LUẬT KINH DOANH

